

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2020
V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thúy.

2. Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 755/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sử Thị Hồng N, sinh năm 1975 (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 24, ấp m, xã p, huyện g, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Sử Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn T bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1994, hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc, không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ tuyên bố và không có đăng ký kết hôn.

Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh chị tính tình không hợp, hay xảy ra cãi nhau vì anh T ghen tuông, thường uống rượu kiếm chuyện vô cớ đánh chị và đe dọa giết chị. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 người con tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 22-10-1995, Nguyễn Tấn B, sinh ngày 10-3-2004 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 14-9-2005. Hiện cháu T1 đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết, riêng cháu B và cháu N1 đang sống với chị nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh Tài phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị N về hôn nhân và anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là chị N đi làm ra ca mà lại bỏ đi chơi, không về nhà nhưng không thông báo cho anh biết và đi làm chị N trang điểm nên anh có ghen tuông chửi mắng chị N. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh chị có 03 người con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 22-10-1995, Nguyễn Tấn B, sinh ngày 10-3-2004 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 14-9-2005 như chị N trình bày. Hiện cháu T1 đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết, anh đồng ý giao cháu B và cháu N1 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Không công nhận chị Sử Thị Hồng N và anh Nguyễn Tấn T là vợ chồng; về con chung: Hiện cháu Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 22-10-1995 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết, giao cho chị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn B, sinh ngày 10-3-2004 và cháu Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 14-9-2005, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 1994, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị đã đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 22-10-1995, Nguyễn Tấn B, sinh ngày 10-3-2004 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 14-9-2005. Hiện cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh chị thỏa thuận giao cháu B1o và cháu N1 cho chị Nguyệt được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu B, cháu N1 cũng muốn được sống với chị N nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Tuyên bố:* Không công nhận chị Sử Thị Hồng N và anh Nguyễn Tấn T là vợ chồng.

2. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 22-10-1995 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

Giao cho chị N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn B, sinh ngày 10-3-2004 và cháu Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 14-9-2005. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. *Án phí:* Chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009784 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị N đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh